

**LỘ TRÌNH PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GDMN CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI,
GIAI ĐOẠN 2026- 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Số TT	ĐƠN VỊ CẤP XÃ	Tỷ lệ huy động trẻ MG 3 đến 5 tuổi năm học 2025-2026	Năm đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi					Ghi chú
			2026	2027	2028	2029	2030	
1	Xã A Mú Sung	96.2				1		
2	Phường Âu Lâu	98,7		1				
3	Xã Bản Hồ	95.2			1			
4	Xã Bản Lầu	97.8	1					
5	Xã Bản Liên	96.5			1			
6	Xã Bản Xèo	92.2			1			
7	Xã Bảo Ái	95		1				
8	Xã Bảo Hà	95.9		1				
9	Xã Bảo Nhai	96.6		1				
10	Xã Bảo Thắng	97.6	1					
11	Xã Bảo Yên	97,2	1					
12	Xã Bát Xát	96.9	1					
13	Xã Bắc Hà	97.6	1					
14	Xã Cẩm Nhân	96,9		1				
15	Xã Cát Thịnh	92.1			1			
16	Phường Cam Đường	98.5		1				
17	Xã Cao Sơn	96.9		1				
18	Phường Cầu Thia	98.1	1					
19	Xã Chân Thịnh	96.3		1				
20	Xã Châu Quế	94,9			1			
21	Xã Chế Tạo	85.5				1		
22	Xã Cốc Lầu	92.2		1				
23	Xã Cốc San	93.8		1				
24	Xã Chiềng Ken	96.1		1				
25	Xã Dền Sáng	93.5				1		
26	Xã Dương Quỳ	94.8		1				
27	Xã Đông Cuông	97.1	1					
28	Xã Gia Hội	93		1				
29	Xã Gia Phú	96.8		1				
30	Xã Hạnh Phúc	98,9			1			
31	Xã Hợp Thành	98,3			1			
32	Xã Hưng Khánh	84.6			1			
33	Xã Khánh Hòa	98,0	1					
34	Xã Khánh Yên	97,6	1					
35	Xã Khao Mang	95.3			1			
36	Xã Lao Chải	86.5				1		
37	Phường Lào Cai	98,8		1				
38	Xã Lâm Giang	97.8			1			

Số TT	ĐƠN VỊ CẤP XÃ	Tỷ lệ huy động trẻ MG 3 đến 5 tuổi năm học 2025-2026	Năm đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi					Ghi chú
			2026	2027	2028	2029	2030	
39	Xã Lâm Thượng	96.1		1				
40	Xã Liên Sơn	92.4		1				
41	Xã Lục Yên	95.2		1				
42	Xã Lũng Phình	95.7			1			
43	Xã Lương Thịnh	93.8		1				
44	Xã Mậu A	97.8	1					
45	Xã Minh Lương	98,4		1				
46	Xã Mỏ Vàng	91.8			1			
47	Xã Mù Cang Chải	91.5			1			
48	Xã Mường Bo	97.3			1			
49	Xã Mường Lai	88.4			1			
50	Xã Mường Hum	92.7			1			
51	Xã Mường Khương	97.6	1					
52	Phường Nam Cường	97,7	1					
53	Xã Nậm Chày	90.9			1			
54	Xã Nậm Cỏ	77.4				1		
55	Xã Nậm Xé	98.2			1			
56	Xã Nghĩa Đô	97.5			1			
57	Phường Nghĩa Lộ	98.2	1					
58	Xã Nghĩa Tâm	92.6		1				
59	Xã Ngũ Chỉ Sơn	93.1				1		
60	Xã Quy Mông	92.7		1				
61	Phường Sa Pa	98.4		1				
62	Xã Sín Chéng	98.7			1			
63	Xã Si Ma Cai	98.6			1			
64	Xã Sơn Lương	91.7			1			
65	Xã Tà Xi Láng	90.7				1		
66	Xã Tả Củ Tỷ	97.5			1			
67	Xã Tả Phìn	96.3		1				
68	Xã Tả Van	97.1			1			
69	Xã Tằng Loỏng	97.1		1				
70	Xã Tân Lĩnh	95,0			1			
71	Xã Tân Hợp	98		1				
72	Xã Thác Bà	97,4		1				
73	Xã Thượng Bằng La	91.7		1				
74	Xã Thượng Hà	94.5			1			
75	Xã Tú Lệ	93,5			1			
76	Xã Trần Yên	94.9		1				
77	Xã Trạm Tấu	94.2			1			
78	Xã Trịnh Tường	93.8		1				
79	Phường Trung Tâm	94.5		1				
80	Xã Pha Long	95.2		1				
81	Xã Phúc Khánh	96			1			
82	Xã Phúc Lợi	98.2		1				

Số TT	ĐƠN VỊ CẤP XÃ	Tỷ lệ huy động trẻ MG 3 đến 5 tuổi năm học 2025-2026	Năm đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi					Ghi chú
			2026	2027	2028	2029	2030	
83	Xã Phong Hải	93.7			1			
84	Xã Phong Dụ Hạ	94.2			1			
85	Xã Phong Dụ Thượng	93			1			
86	Xã Púng Luông	92.1				1		
87	Xã Phình Hồ	92,0				1		
88	Xã Xuân Ái	99,5			1			
89	Xã Xuân Hoà	97.1			1			
90	Xã Xuân Quang	98.8		1				
91	Xã Văn Bàn	95.1	1					
92	Xã Văn Chấn	95.4		1				
93	Phường Văn Phú	95,5	1					
94	Xã Việt Hồng	94.5		1				
95	Xã Võ Lao	95.3		1				
96	Xã Yên Bình	95.1	1					
97	Xã Yên Thành	95.1		1				
98	Phường Yên Bái	95,6	1					
99	Xã Y Tý	96.3			1			
Toàn tỉnh		Số xã	17	38	35	9	99	
		Lũy kế	17	55	90	99	99	
		Tỉ lệ	17.2	55.56	90.9	100	100	